

Phụ Lục A

TIỂU SỬ QUYỀN GIÁO TÔNG LÊ VĂN TRUNG CỦA TÁC GIẢ DIỆP VĂN KỶ*

Vài ngày sau khi ông Lê Văn Trung tạ thế, nhơn tôi có tỏ dấu thương tiếc với một người bạn thanh niên du học, người ấy liền nói: Ông Lê Văn Trung đã làm được cái gì mà anh thương tiếc? - Vậy chớ gần một thế kỷ nay những người An Nam "sống lâu ra lão làng" như anh với tôi đã làm được cái quái chi!

Đối với câu nói sắp nhập như kia tất phải có câu trả lời tiêu cực như thế. Chớ xét ra, ở giữa thời kỳ "nước nhà nhiều nạn" khó nói, tư tưởng cũng còn khó thay, hướng chi là việc làm, thì hễ ai đã làm được điều chi, đầu cho sự ích lợi của nó nhỏ nhen thế nào, mà mình đã có thể biểu dương được thì cũng nên biểu dương:

Ông Lê Văn Trung đã làm được cái gì?

Điều đó chưa biết. Cái điều mà ai cũng nên biết là phải tìm coi cho rõ ông Trung đã làm được cái chi chưa?

Ai là người đã nghĩ rằng ông Lê Văn Trung chẳng hề làm được điều chi đáng cho chúng ta chú ý, thì hiện nay chắc họ cũng ăn năn, nhận sự làm lỗi của họ.

* Trích sách *Tiểu sử đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung*, Hội Thánh Tây Ninh xuất bản 1973.

Đông Tân

Ông Lê văn Trung đã làm được cái gì?

Điều đó chưa biết. Chúng tôi chỉ biết rằng từ hôm ông chết đến nay, ở Tòa Thánh Cao Đài Tây Ninh, số người mỗi ngày đến chịu tang, lấy muôn mà kể. Già trẻ bé lớn, đàn ông đàn bà ở lục tỉnh, ở Nam Vang, ở Lào, thấy đều thương tiếc khóc than, chẳng khác nào con mất cha mẹ. Nếu như có thể lấy những khuôn vải trắng bịt khăn trên đầu để làm thước đặng đo sự nghiệp, công đức của một người quá vãng thì ta có thể nói rằng sự nghiệp công đức của ông Lê văn Trung là lớn nhất ở Nam kỳ này vậy,

Trái lại, đầu cho có ai bảo rằng sự nghiệp ngưỡng mộ ấy đều do ở điều mê tín tầm vơ mà sanh ra thì họ cũng phải công nhận rằng đó là một cái tâm lý quần chúng cần phải nghiên cứu, là một "việc xã hội" cần phải điều tra.

Muốn nghiên cứu tâm lý ấy, muốn điều tra "việc xã hội" ấy thì tôi tưởng chẳng chi hơn là xét cho rõ lai lịch của người đã đào tạo ra tâm lý ấy và "việc xã hội" ấy.

Ý nghĩa của vài tờ tiểu sử này là vậy đó.

Hướng chi "*Nữ vị duyệt kỹ già dung, Sĩ vị tri kỹ già tử*". Tôi tuy không phải là người trong đạo Cao Đài, song từ ấy đến nay và nhứt là trong hai năm gần đây, ông Giáo Tông Lê văn Trung bao giờ cũng lấy tình của người bạn vong niên mà đãi tôi.

Tôi còn nhớ, cách chừng một năm nay, sau khi ông Nguyễn phan Long lấy tư cách Giáo Sư Cao Đài lên Tòa Thánh ngồi chủ tọa hội Vạn Linh để buộc tội ông Giáo Tông mà rồi cũng không có hiệu quả, ông Lê văn Trung kêu tôi mà nói: "*Cái kết quả của hội Vạn Linh này không phải là để rửa sạch những điều họ đã vu cáo cho tôi mà chính là để cho Đạo được thêm một tín đồ trí thức Nguyễn phan Long.*"

Lại một hôm, nhân bàn về vấn đề tôn giáo, tôi nói với ông Lê văn Trung:

"*Tôi nhớ như tưởng một nhà văn sĩ Âu châu đã nói: Tôn giáo này mà khác với tôn giáo kia cũng giống như những nhà đặng cao, tuy là khi mới trèo lên, thì người ở bên chơn núi này, kể ở chơn núi kia, chớ chừng đến trên đỉnh cũng gặp nhau một chỗ.*"

Ông trả lời:

"*Đạo Cao Đài chúng tôi cũng vậy. Song chỉ có một điều khác là muốn sao từ khi đương ở dưới chơn núi thì tất cả các nhà đặng cao đều đã biết nhau, yêu nhau!*"

Gần đây, sau khi ông đi diện yết quan Toàn Quyền Robin vừa ra, tôi hỏi:

"Quan Toàn Quyền có hỏi chi đến việc ngài trả Bắc Đẩu Bửu Tinh lại cho chính phủ chẳng?"

"Có. Quan Toàn Quyền có khuyên tôi lấy lại. Song tôi đã bám với ngài rằng: Trả hay không trả Bắc Đẩu Bửu Tinh là một việc nhỏ để tính"

Cái người như ông, bình sanh, bất kỳ là đối với việc gì, cảnh ngộ nào, ông cũng ung dung, hòa nhã, nói chậm rãi mới nghe qua như tuồng thờ ơ mà xét kỹ lại thì thâm trầm ý vị.

Chỉ duy trong những lúc đêm tàn, canh vắng, bên ngọn đèn khuya, hay là dưới bóng trăng nuôi, ông mới đem ít nhiều tâm sự mà than thở với những người bạn thanh niên như chúng tôi đây.

Cái tâm sự mà ông đã đặt tên cho nó là "Nhon đạo".

Cái Nhon đạo ấy, ai là người trong đạo Cao Đài sẽ kế chí ông?

Về phần tôi, tôi chỉ biết lấy tình tri kỷ mà vẽ sơ lại con đường của ông đã trải qua để họa may gần đây sẽ có kẻ nối theo đó mà đi cho đến mục đích của ông đã tự kỷ: do Thiên đạo mà lo Nhon đạo, lo Nhon đạo cho xong để tròn phận sự đối với Thiên đạo.

Ông Lê văn Trung, người hạt Chợ Lớn, con ông Lê văn Thanh và bà Văn thị Xuân, sanh tại làng Phước Lâm, tổng Phước Điền Trung, trong năm 1875 (theo căn cước của ông thời 1876).

Sanh ra được vài tháng thì ông thân của ông tạ thế. Tuy sớm phải gặp cảnh mồ côi cha, song cũng nhờ gốc thuần phong mỹ tục của nhà ruộng rẫy xứ này và sự dạy dỗ có nghĩa phương của một bà từ mẫu nên việc học vấn của ông cũng tuân tự theo trình độ trí thức của phần đông lúc bấy giờ mà mỗi ngày mỗi được tăng tấn.

Qua năm 18 tuổi, nhằm ngày 14 Juillet 1893 thì ông đã được bổ vào ngạch thư ký chính phủ Nam Kỳ.

Chẳng bao lâu, ông lại từ chức, ra tranh cử Hội đồng Quản hạt quận nhì (Gia Định, Chợ Lớn, Tây Ninh, Thủ Dầu Một, Bà Rịa, Cap Saint Jacques).

Ông thường hay nhắc lại việc này mà nói: "Cái ma lực buộc người hay có xa vọng về chánh trị nó mạnh lạ thường. Tranh cử lúc đó còn phải tốn tiền hơn bây giờ xấp trăm, xấp ngàn. Vậy mà tiền không, thế lực nào có thì tranh cử cái gì mà tôi cũng xin thôi việc quan đặng ra tranh cử. "Người ta là con vật chánh trị", văn sĩ xưa nào đã nói như vậy?"

Ông đắc cử vào làm Nghị viên Quản hạt lần thứ nhất nhằm khoảng năm 1906. Thầy thư ký mồ côi nhà nghèo, thiếu trước hụt sau mà nay đã nhiễm

Đông Tân

nhiên là một ông dân biểu, lại thêm nhằm lúc dân trí chưa mở mang, Hội đồng Quản hạt chỉ còn là cái máy ghi chép "*dít cua*" thì đáng lẽ ông cũng theo thói thường "*quì quì dạ dạ*" để xin "*mề đay*", huyện hàm khăn đất mà thủ lợi.

Thế mà không, sau khi đắc cử, Hội đồng mới nhóm một kỳ đầu tiên thì đã gặp ngay bản dự thảo thuộc về lục hạng điền của ông Outrey, quyền Thống đốc Nam kỳ, trình xem Hội đồng phải thảo luận và thừa nhận.

Ông và ông Diệp văn Cương, Hội đồng Bến Tre đứng ra cầm đầu cho tất cả sáu ông Quản hạt Annam phản kháng lại bản dự thảo của chính phủ. Song số nghị viên Annam lúc bấy giờ chỉ bằng phân nửa số nghị viên Langsa thì đầu cho có phản kháng kịch liệt thế nào, cứu cánh rồi cũng chẳng có kết quả.

Tình thế chính trị như vậy mặc dầu, ông cùng các người đồng chí cũng chẳng chịu thua. Hội đồng Quản hạt với mười mấy lá thăm Langsa vừa thừa nhận khoản thuế lục hạng điền thì bên này thì tất cả sáu ông Hội đồng Quản hạt Annam đều từ chức.

Đối với thái độ ấy, có lẽ ngày nay chúng ta chẳng lấy chi làm lạ. Song nếu chúng ta thử tưởng tượng lại cái hoàn cảnh chính trị cách 30 năm nay thì dám làm như thế, dám phản kháng chính phủ một cách công nhiên như họ đã làm, thật là một việc đáng khen và không phải là không có chi nguy hiểm cho những người xướng xuất.

Từ chức xong, tất cả sáu ông đều ra ứng cử lại và thấy đều được tái cử. Trừ duy ông hội đồng Hoài bị ông Bùi quang Chiêu a phụ với ông Outrey xúi người bà con là ông Bùi thế Khâm ra phá nên thất cử.

Hội đồng Quản hạt mà được trở nên một nghị trường có ít nhiều thanh thế một đôi về chính trị có lẽ cũng là nhờ vụ lục hạng điền làm nước bước đầu tiên vậy.

Trong bước đầu tiên ấy, ông Lê văn Trung lại là một người Hướng đạo rất khảng khái. Thế lực của ông từ đó về sau, mỗi ngày mỗi càng lớn thêm. Đối với cử tri lúc bấy giờ tức là các hương chức thì ông là một người đã bảo vệ quyền lợi của nông dân điền chủ, đối với chính phủ thì ông là một người trong những người mà các nhà đương đạo khó khinh thường.

Nhờ thế lực ấy, nên trong năm 1911, ông mới hiệp sức với một vài nhà trí thức quyền bính Sài Gòn, Chợ Lớn mà khởi xướng được một việc rất mới mẻ có quan hệ mật thiết, ảnh hưởng lớn lao ở giữa xã hội Việt Nam ngày nay.

Tôi muốn nói đến việc lập Nữ học đường.

Đương giữa buổi mà sự giáo dục của con trai đàn ông còn hãy phôi thai, cậu nào đậu được bằng cấp Thành chung là đã tự thánh, tự thần, xách đi cùng lục

tỉnh đặng kiếm vợ giàu; đương giữa buổi mà những anh chàng du học đem về được cái bằng cấp tú tài thì đã hô lớn lên một cách rất vinh diệu tự đắc rằng mình quen hết tiếng Annam; đương giữa buổi mà khắp cả cha mẹ trong nước đều công nhận rằng: cho con gái có nhiều ít học thức là một mối hại lớn cho gia đình, cho xã hội; đương giữa buổi như thế mà đứng ra đề xướng nữ học, xin lập trường nữ học để dạy bên gái bằng như bên trai, có phải là một việc quá bạo gan chẳng? Những người đề xướng có phải là những bậc tiên kiến chẳng?

Bạo gan thật, tiên kiến thật, vì chính phủ lúc bấy giờ như tường cũng cho việc ấy là một việc chưa hợp thời, lại trái với phong tục cũ kỹ của Annam, nên chỉ, tuy là không ngăn cấm, song cũng chẳng chịu xuất công nơ ra làm chi phí, mà chỉ để cho những người xướng xuất mở cuộc lạc quyền, góp của công chúng, cất lên được mấy tòa nhà đồ sộ mà chúng ta còn thấy ở đường Le Grand de la Liraye; tòa nhà ấy đã đào tạo ra biết bao nhiêu nơn tài trong nữ giới.

Vậy mà, nếu ai chịu khó lật cuốn sổ lạc quyền năm nọ ra xem thì sẽ thấy ở dưới mấy lời tuyên bố có tên của ông Lê văn Trung là người khởi xướng đứng kế phương danh bà cụ Tổng đốc Đỗ hữu Phương.

Trong một cái phạm vi chính trị eo hẹp, dưới chế độ chẳng phải khinh thường mà đã làm được những việc tôi vừa nhắc lại trên đây, thời tuy nó chưa phải là những sự nghiệp của anh hùng vĩ nơn, song thế cũng đủ gọi rằng khỏi mang tiếng "*quì quì dạ dạ*" là cái danh hiệu của phần đông trong mấy ông Hội đồng, từ xưa đến nay ở xứ này.

Đó là sự nghiệp.

Còn công danh nên lấy theo nghĩa hẹp của nó và theo thể tình thì ông Lê văn Trung, Hội đồng Quản hạt, Nghị viên Thượng Nghị viện, thưởng thọ Bắc đẩu Bửu tinh, sanh tiền cũng đã từng có đủ công danh.

Nhưng than ôi! Dầu cho những điều đó mà có thể gọi là công danh sự nghiệp đi nữa, đối với người đã lấy lòng lún ngưỡng làm phương châm cho sự hành vi, lấy đức bác ái phổ độ làm mục đích cho cái đời sống thì công danh, sự nghiệp cũng chẳng nên nhắc lại làm chi.

Vả, trước khi đem thân phạm tục để nhờ "*Con Mắt*" huyền diệu của Thầy soi thấu thì ông Lê văn Trung cũng đã lãnh đạm với công danh sự nghiệp ấy.

Ba bốn tháng trước khi nhập đạo, ông Lê văn Trung đã gởi đơn đề ngày 6 Octobre 1925 cho quan Thống đốc Nam kỳ mà xin từ chức Nghị viên Thượng Nghị viện.

Mãi đến ngày mùng 5 tháng chạp năm Ất Sửu (28 Janvier 1926) ở Sài gòn, đức Thượng Đế giáng cơ dạy hai ông Cư và Tác đem cơ vô nhà ông Trung

Đông Tân

(*Chợ Lớn - quai Testard*) cho Ngài dạy việc. Hai ông này lấy làm bực vì thuở nay chưa hề quen biết ông Trung...

Chuyện trên đây, tôi đã do ở cuốn sách *Đại Đạo Căn Nguyên* của Đạo Cao Đài mà chép ra và chỉ để ghi lấy ngày nhập đạo cho tiện sự chia cái đời của ông ra làm hai đoạn.

Đoạn trước, ở thế gian từ ngày 14 Juillet 1893, ông được bổ ra làm thư ký cho đến 6 Octobre 1925 là ngày ông từ chức Nghị viên Thượng Nghị viện.

Đoạn sau thuộc về đời hành đạo, đời tu niệm của ông từ 28 Janvier 1926 cho đến 19 Novembre 1934.

Bước đường ở ngoài thế gian trong khoảng 32 năm được hanh thông chừng nào thì 9 năm trong đạo lại càng mắc phải nhiều khổ hạnh chừng nấy.

Sau khi nhập đạo chưa đầy một năm, ông với các đạo hữu đi thuyết đạo khắp cùng lục tỉnh và nội trong mấy tháng mà số người theo đạo Cao Đài tính hơn một triệu thì ông cùng bà Lâm Hương Thanh, Chánh Phối Sư với 247 đạo hữu đứng vào một lá đơn trình với chính phủ xin phép khai đạo.

Lá đơn ấy đề ngày 29 Septembre 1926. Nó là tám giấy khai sinh của đạo vậy.

Lúc bấy giờ, đàn cầu cơ đã có khắp cả mọi nơi Cầu Kho, Chợ Lớn, Tân Kim, Lộc Giang, Tân Định, Thủ Đức, mỗi chỗ đều có người chủ trương riêng. Vì đạo Cao Đài là do ở cơ bút phát sanh, điều đó ai cũng biết.

Tuy nhiên, chí kinh dinh kiến tạo của ông ở ngoài đời ông vẫn đem nó theo để làm cho đạt một mục đích khác.

Vì ông nóng lòng về sự lo cho nền đạo được thống nhất nên nội trong năm đó, ngày 19 Novembre, đêm 14 rạng mặt rằm tháng 10 năm Bính Dần thì làm lễ khánh thành Thánh Thất ở Từ Lâm Tự và lễ chính thức Khai đạo.

Tính từng ngày một, từ 19 Novembre 1926 ngày Khai đạo cho đến ngày 19 Novembre 1934, ngày ông mất, cộng là 8 năm không thiếu không dư một bữa.

Trong điều đó có chi huyền diệu chăng?

Huyền diệu hay không, tôi tưởng ai là tín đồ Cao Đài thời cũng phải lấy ngày đó làm một ngày kỷ niệm rất quý hóa, kỷ niệm lễ chính thức Khai đạo, kỷ niệm hứu nhứt của ông Quyền Giáo Tông và kỷ niệm cho nhớ rằng hành đạo là một việc khó, cơ bút thường hay có những điều lưu tệ vì chánh ngay đêm đó, có hai tín đồ nam và nữ tự xưng là Tề Thiên Đại Thánh và Quan Âm Bồ Tát nhảy lên làm cho công chúng thất vọng.

Và cũng vì việc rắc rối ấy mà làm cho ai nấy đều ngã lòng thối chí, thành thử nổi lên một cuộc công kích rất kịch liệt do những người hoặc vì thiên kiến hoặc vì tư lợi mà sinh ra.

Có một điều lạ chẳng ai ngờ là cái hiệu quả của cuộc công kích ấy chỉ làm cho số tín đồ Cao Đài mỗi ngày mỗi đông thêm.

Cách đó chẳng bao lâu, Thánh Thất Cao Đài lại phải dời về nơi sở rừng 140 mẫu tọa lạc tại làng Long Thành Tây Ninh cho đến bây giờ.

Trong khoảng thời gian từ ngày lập đạo cho đến lúc dời Thánh Thất về làng Long Thành, ông Lê văn Trung đã trải biết bao nhiêu công khó mới gầy dựng nên được cơ sở vững chắc ngày nay. Song ông thường hay nói với mọi người: *"Công khó ấy đều nhờ ở lòng thành kính của anh em chị em trong đạo, công của tôi chẳng bao giờ lớn hơn công của một tiểu giáo nhi nào"*.

Tuy nhiên, trong lúc vừa dời Tòa Thánh về Long Thành Tây Ninh thì các Chức sắc, các Giáo Hữu, các tín đồ đều đã rõ thấu công lao của ông đối với nền đạo nên ai nấy đều vui mừng về việc ông được tôn lên Quyền Giáo Tông nhằm ngày mồng 3 tháng 10 năm Canh Ngọ (1930).

Vả lại lúc ấy là lúc đạo đương trải qua thời kỳ toàn thịnh mà chủ quyền lại được thống nhất về tay của một người nhiều kinh lịch, đủ nghị lực như ông Lê văn Trung thì ai cũng tưởng nền đạo từ đó về sau sẽ được vững chãi hơn.

Ai ngờ hai chữ Giáo Tông lại thành ra cái cớ để khiến những tay cầm quyền đương thời họ đã làm cho nấy sanh chẳng biết bao nhiêu việc chia lìa, oán khích. Chẳng những ở trong đạo họ buộc tội, viết châu tri để thống mạ, mà ngoài đời họ lại còn xúi giục tín đồ làm lạc đem những việc phi lý vô bằng đến tòa mà kiện và vu cáo với các nhà đương quyền rằng để cho ông Lê văn Trung cầm quyền đạo tức Cao Đài là dung dưỡng cho một ổ cách mạng. Họ đã làm cho đến nỗi lúc bấy giờ chẳng có ngày nào mà ông Lê văn Trung chẳng bị ông thẩm phán này đòi hay là tòa án kia đem ra xử. Còn những chức sắc nào trong đạo mà ái mộ ông Giáo Tông thì họ lại kiếm phương này thế khác mà làm cho bị tù bị tội.

Đương giữa buổi nguy nan như thế, ông Lê văn Trung vẫn cứ điềm tĩnh ngồi lo sắp đặt công việc bên nữ phái trong đạo, mong sao cho nam nữ được bình quyền mà nói rằng: *"Điều ấy là một cái xa vọng của tôi đã có từ khi đương còn ở ngoài đời, cho đến ngày nhập đạo. Lúc trước, tôi đã giúp bà cụ Tổng đốc Đỗ hữu lập trường nữ học, bây giờ tôi hiệp sức với bà Chánh Phối Sư Lâm Hương Thanh tổ chức các nữ viện cũng đồng một ý nghĩa. Tôi chỉ ước ao sao cho nam nữ bất bình đẳng ở ngoài đời chẳng còn trong đạo nữa."*

Có nhiều người thấy ông điềm nhiên như vậy thì tức mà hỏi: *"Ngài không dùng phương pháp chi để đối phó với mấy kẻ tiểu nhơn kia sao?"*

Đạo Tàn

- "Sao mà lại được kêu những kẻ ấy là tiểu nơn? Nếu may mà mình phải thì tự nhiên một ngày kia người ta sẽ biết quấy, lo ngại chi sự ấy?"

Song, than ôi! Lời nói ấy chỉ đúng với lý tưởng của người lương thiện tu hành, chớ thực tế ở đời này có đâu được như thế.

Sau khi đối với đạo, đạo biết ông vô tội; đối với tòa, tòa biết ông vô tội; cái danh hành đạo của ông được trắng như tuyết.

Ông Lê văn Trung, nguyên Thượng Nghị viện thượng thọ Bắc đẩu Bửu tinh, Giáo Tông Cao Đài lại do hai cái án "*tuần cảnh*" phạt hai tên đánh xe bò của Tòa Thánh về tội xe không thấp đèn và bò thiếu dây buộc ách mà phải bị bắt vô chịu tù ở khám đường Tây Ninh. Ngày ông vô khám nhằm lễ Khai hạ, mồng 7 tết năm Giáp Tuất (1934) trước vía Trời hai bữa.

Tôi còn nhớ khi viên tùy phái đem hai bản sao lục của hai cái án nói trên đây vô Giáo Tông đường đặng bắt ông ra tòa bố Tây Ninh thì ông chằm rãi khăn áo chỉnh tề, mang Bắc đẩu Bửu tinh và huy hiệu Giáo Tông vào rồi đi theo sai nha không nói một tiếng chi khác hơn là dặn các Giáo hữu, các tín đồ hãy yên lặng mà lo việc cúng vía.

Mấy ngày ông ngồi trong khám, ngoài Tòa Thánh từ các chức sắc cho đến tín đồ họ đều nhịn đói mà chờ ông.

Mãn hạn ba ngày, ông về Tòa Thánh, chức sắc tín đồ, người khóc kẻ ôm tay ông hun. Ông xem cũng như tuồng có ý cảm động nhiều hơn trong những dịp khác.

Làm lễ vía Trời vừa xong thì ông liền viết một bức thư gửi cho chính phủ mà xin trả Bắc đẩu Bửu tinh lại.

Thư ấy có nhiều câu ý vị sâu xa. Song tôi không muốn thuật ra đây, vì sau khi quan Toàn quyền Robin qua trấn nhậm, ông đã có vào diện yết ngài và hai đảng cũng đã điều đình công việc "*tự do tín ngưỡng*" của đạo thì nhắc lại chuyện cũ sợ e có hại đến hòa khí của ông đã tạo ra.

Tôi chỉ muốn thêm rằng trả Bắc đẩu Bửu tinh là một "*việc làm*" sau hết của cái đời sống của ông và nhắc lại lời của ông đã cất nghĩa việc làm ấy.

- "*Đừng tưởng tôi trả Bắc đẩu Bửu tinh mà còn có y chi phiền chính phủ, trách những nhà đương quyền lúc bấy giờ. Danh giá thể thống của viện Bửu tinh buộc tôi phải làm như vậy. Tôi mà nói đây chẳng phải vì nghi sợ điều chi mà chỉ vì ước ao ai nấy đều hiểu rằng tôn chỉ mục đích của đạo chúng tôi là hòa bình, thân ái khắp cả chúng sanh "nhứt thị đồng nơn" thì chúng tôi đâu được phép phiền trách hờn giận. Hướng chi, theo thiện kiến của tôi đối với vấn đề thực dân thì dầu cho lúc ban sơ nó là "việc làm do ở cường quyền" song dần dần bên cai*

Lịch Sử Cao Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

trị và bên bị cai trị cùng nhau tiếp xúc rồi biết rõ nhau mà yêu nhau thì chúng ta lại có thể hy vọng rằng cái "việc làm do ở chính quyền" kia sẽ thành ra một mối dây đoàn thể thân thiện của dân tộc này đối với dân tộc khác".

Đã nói đến thân thế sự nghiệp của ông Lê Văn Trung tất nhiên phải là bàn đến đạo Cao Đài. Vì ông là một người sáng lập, lại là một ông Giáo chủ. Đạo Cao Đài mà phải thì ông là công thủ, đạo Cao Đài mà quấy thì ông lại là tội khôi.

Song tôi còn nhớ Chương thái Viêm, một nhà bác học Tàu mỗi khi thảo luận đến các vấn đề tôn giáo đều có nói: "*Thiên trung điều tích, họa giả giai nan, dấu chơn của con chim bay trên không, thợ vẽ nào cũng phải chịu là khó.*"

Thật thế, người ta mà muốn tìm ra cội rễ của tôn giáo, thời chẳng khác nào chú thợ vẽ muốn vẽ dấu chơn của chim bay trên không.

Hướng chi, đạo Cao Đài mới phát hiện ra ở xứ này chưa đầy 9 năm, bao nhiêu những lý thuyết hình thức của đạo hiện đương còn ở thời kỳ phôi thai và do cơ bút mà có thì chẳng thể chi nghị luận cho được xác đáng.

Người tín ngưỡng do sự thần bí mà tín ngưỡng đã đành; chí như những kẻ công kích mà cũng đem sự thần bí ra đặng công kích thì thật là lạ.

Song đâu chi đi nữa, tôi cũng nhớ rằng cái "*biết*" của loài người ngày nay chưa có thể chi giải quyết được những chỗ khuyết nghị ấy và ở trong khoảng vài chục trang giấy viết ra cho kịp ngày điệu tang, thì tôi đâu dám đem một vấn đề trọng đại như vấn đề tôn giáo mà nghị luận.

Tuy nhiên, trước khi ngừng bút, tôi còn muốn đứng về phương diện xã hội mà ông Lê Văn Trung sanh tiền thường gọi là nhơn đạo mà kết luận:

Sự hành động của đạo Cao Đài, từ khi sáng lập đến nay, không phải là mỗi đều tận thiện tận mỹ. Ở trong đời có chi là tận thiện tận mỹ? Song, nếu xét ra cho thật công bình thì đạo Cao Đài chưa hề làm điều chi có hại đến nhân quần xã hội. Trái lại, đạo Cao Đài đã nhờ truyền bá giới, tổ chức hay mà gây nên tình thân ái, đoàn thể trong một triệu mấy dân Nam kỳ là một việc đáng làm cho ai cũng nên kính phục.

Đó là tôi chưa nói đến cái đức tin rất mạnh mẽ của tín đồ. Tôi chưa nói, là vì trước khi hỏi tôi muốn nhắc cho các Thiên phong Chức sắc trong đạo có trách nhiệm kế chí của ông Giáo Tông nhớ rằng: Đức tin là một con dao hai lưỡi, nếu dùng nó phải thì chẳng chi lợi bằng, nếu dùng nó quấy thì chẳng hại nào hơn. Và chỗ đó là tội là công của ông Lê Văn Trung vậy.

Viết tại Sài Gòn, ngày 28 Novembre 1934,

Diệp Văn Kỳ

Đồng Tân

Soạn giả dẫn chứng về cuộc đời của ông Lê văn Trung qua nhận định của ông Diệp văn Kỳ, một luật sư thân cận ông vào những năm rối rắm tại Tòa Thánh Tây Ninh (*như đã đề cập trong chính sử*) với mục đích là giới thiệu một người ngoài đạo được mời tham dự vào những biến cố những năm 1933-1934 đã qua. Rất tiếc bản văn này đã được sao lục từ một tác phẩm do Hội Thánh Tây Ninh dưới quyền của ông "giáo chủ" Hộ Pháp Phạm công Tắc nên cần xét lại đôi chi tiết về đạo sự đã được đề cập trong nội dung bản văn không đúng theo sự kiện đã có. Soạn giả chỉ mong những ai muốn bàn đến đạo sự cần phải có cặp mắt vô tư và tấm nhiệt tình trong một tâm quảng đại, không vì cá nhân tư kỷ mà quên đi cả một đại cuộc nhân loại đang cần có những tấm lòng vị tha vong kỷ mới có khả năng nhận định một vấn đề, nhất là khi vấn đề ấy nằm trong màu nhiệm mà chưa có được một nhãn quan thứ sáu thì rất uổng công bàn luận vậy.

Vả chăng, bàn đến một vấn đề tôn giáo mà cần có những chứng nhân không có tín ngưỡng nào thì có khác gì đem nghệ thuật mà nói với những người buôn bán thì giá trị vấn đề chỉ nằm trong sự mặc cả bề ngoài mà thôi.

Phụ Lục B

CÁC DỮ KIẾN THAM KHẢO

TRONG VIỆC SOẠN THẢO TOÀN BỘ LỊCH SỬ CAO ĐÀI ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ TỪ 1921 ĐẾN 1955 (QUYỂN I, II & III) VỚI SỰ HÌNH THÀNH WEBSITE HỘI VĂN HÓA CAO ĐÀI GỒM BA NGÔN NGỮ VIỆT ANH PHÁP TỪ NĂM 1999: <http://www.caodai.org.au>

D.1 TÁC PHẨM

- 1- Lịch Sử Quan Phủ Ngô Văn Chiêu, tái bản lần 4, năm 1952, Chiếu Minh Đoàn Sài Gòn
- 2- Kinh Thánh (*Cựu Ước và Tân Ước*)
- 3- Le Coran par M. Savary
- 4- Khổng Học Đấng, Phan Sào Nam
- 5- Le Bouddhisme, le R. P. Mainage
- 6- Jésus en son temps, Daniel Rops
- 7- Bài Thánh ngôn đầu năm Bính Dần, bản chính, ông Nguyễn trung Hậu lưu giữ và các bài Thánh ngôn nguyên bản, ông Nguyễn Minh Truyện cất giữ

Đông Tân

- 8- Tập Thánh ngôn thời sơ khai 1925-1927 (*quyển agenda bút tự của bà Hương Hiếu*), bà Hương Hiếu lưu giữ tại Nữ Đầu Sư đường, Tây Ninh
- 9- Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Hội Thánh Tây Ninh
- 10- Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Hội Thánh Bến Tre
- 11- Pháp Chánh Truyền và Tân Luật, Hội Thánh Tây Ninh
- 12- Châu tri hành đạo thời sơ khai, 1926-1934, nguyên bản, có dấu ấn ký của các vị chức sắc lãnh đạo đương thời tại Tây Ninh, Hội Thánh Bến Tre lưu giữ (*đóng thành hai tập*)
- 13- Châu tri chính đạo (1934-1936), Hội Thánh Bến Tre ban hành
- 14- Đuốc Chân Lý, số 51 và 52, Tòa Thánh Định Tường, 1955
- 15- Đại Thừa Chơn Giáo (*có phần Pháp ngữ*), Chiếu Minh Đan Vô Vi, 1950
- 16- Tiểu sử đức Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương, Hội Thánh Bến Tre, 1958
- 17- Tiểu sử đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc, Hội Thánh Tây Ninh
- 18- Đại Đạo Cấn Nguyên, Nguyễn trung Hậu, Thánh Thất An Hội Kiến Hòa (*Bến Tre*), 1957
- 19- Đại Đạo Truy Nguyên và Đạo Mạch Truy Nguyên, Huệ Chương, Saigon, 1953
- 20- Histoire et Philosophie du Caodaïsme, Gabriel Gobron
- 21- Revue Caodaïste (*số 1-21*)
- 22- Le Caodaïsme, Gustave Meillon
- 23- Le Caodaïsme Jusqu'à 1933, Lalaurette et Vilmont
- 24- A la Barre de l'Indochine, Amiral Decoux
- 25- Histoire du Viet Nam de 1940 à 1952, Philippe Devillers, Edition du Seuil, 1952
- 26- La Guerre d'Indochine - L'humiliation, Lucien Bodard
- 27- Le Spiritisme et Table Tournante, J. di Riols
- 28- Messages Spirites, Tây Ninh
- 29- Bulletin officiel du Ministère des Colonies - 1927
- 30- Bulletin de l'École Française d'Extrême Orient
- 31- Histoire Contemporaine Depuis le Milieu du XIXème Siècle

- 32- Bulletin administratif de l'Annam, số 12, 1935
- 33- Tạp chí Phật học phổ thông
- 34- Tạp chí Đại Đạo Qui Nguyên, 1938
- 35- Trung kỳ Bảo hộ Quốc ngữ Công báo, số 1, 1928
- 36- Hồi ký Thanh Long Lương vĩnh Thuật
- 37- Hồi ký của Liên Hoa Đàm Thi
- 38- Bước Thăng Trầm 21 năm Khai Đạo miền Bắc 1933 - 1954, Phạm tài Đoan và Nguyễn thanh Liêm
- 39- Tiểu sử Hội Thánh Trung Ương Tam Quan - Bình Định
- 40- Tiểu sử Thánh Thất Trung An
- 41- Tiểu sử Thánh Thất Trung Quang Bình
- 42- Hồi ký của Chí Bửu

D.2 NHỮNG CUỘC SUU KHẢO TẬN NƠI (1956 - 1999)

Sài Gòn Chợ Lớn

Tân An

Định Tường

Thủ Dầu Một

Cái Khế

Cần Thơ

Hà Tiên

Tây Ninh

Bến Tre

Phú Quốc

Tam Quan

Quảng Nam

Quảng Ngãi

Bồng Sơn

Hà Nội

Đông Tân

Hải Phòng
Quảng Ninh
California USA

D.3 NHỮNG CUỘC HỘI KIẾN

- 1- Hai ông Thanh Long Lương Vinh Thuật và Trần quốc Luyện tại Sài Gòn từ 1950
- 2- Ông bà giáo sư Trần văn Tri - Nguyễn như Hằng, ông bà thương gia Nguyễn minh Truyến - Trần thị Chi, và quý ông Bùi Minh Hùng, Nguyễn Minh Lệ, Trần Minh Tượng tại Sài Gòn (*Đàn Long Hoa*) từ năm 1957
- 3- Quý đệ tử Chiếu Minh Đản Vô Vi (*cấp 1 và 2*) gồm quý bà Huỳnh Minh Trình, Nguyễn Minh Hồng tại Cần Thơ, ông Bùi Minh Thanh tại Sài Gòn, và ông Phạm văn Thới tại Chợ Lớn từ năm 1957
- 4- Hội Thánh Bến Tre từ 1957
- 5- Ông Hiến Thế Trần chí Thành tại Bến Tre (*Thánh Thất An Hội*) từ năm 1957
- 6- Giáo sư Nguyễn đăng Thục tại Sài Gòn từ 1957
- 7- Cô Ngô thị Nguyệt tại Tân An năm 1957
- 8- Ông Trần hiển Vinh tại Thủ Dầu Một năm 1957
- 9- Ông Hiến Đạo Nguyễn khắc Bích tại Bến Tre năm 1957
- 10- Ông Sáu Suất tại chùa Minh Sư (*Hạnh Thông Tây - Sài Gòn*) năm 1958
- 11- Ông Cai tổng Trương vinh Qui tại Sài Gòn năm 1958
- 12- Ông Phùng văn Thới tại Bến Tre năm 1958
- 13- Ông Phán Cao văn Sự tại Sài Gòn năm 1958
- 14- Ông Đầu Sư Nguyễn văn Vân (*thế danh Huyện Vân*) tại Minh Chơn Lý - Định Tường năm 1958
- 15- Hội Thánh Tây Ninh từ 1959
- 16- Ông Phối Sư Trần văn Quế (*Tiên Thiên - Liên Hòa Tổng Hội*) từ năm 1959
- 17- Bà Bạch Tuyết, Cơ quan Phổ Thông Giáo Lý tại Sài Gòn từ 1959
- 18- Bà Chánh Phối Sư Hương Hiếu tại Tây Ninh năm 1959

Lịch Sử Cao Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

- 19- Bà Vương xuân Hà và cô Vương thanh Chi tại Minh Tân, Sài Gòn, năm 1959
- 20- Ông Bảo Thế Lê thiện Phước tại Tây Ninh năm 1959
- 21- Ông Phủ Trần nguyên Lượng tại Mỹ Tho năm 1959
- 22- Ông Bảo Pháp Nguyễn trung Hậu tại Sài Gòn năm 1959
- 23- Ông Thượng Sanh Cao hoài Sang tại Tây Ninh năm 1959
- 24- Ông Định Pháp Nguyễn minh Thiện tại Sài Gòn năm 1960
- 25- Ông Raphael Smith, giáo sư đại học Luân Đôn tại Sài Gòn năm 1967
- 26- Ông Khai Đạo Phạm tấn Đãi tại Tây Ninh năm 1970
- 27- Ông Ted Dutton, sinh viên kỹ giả thuộc đại học Syracuse Hoa Kỳ tại Sài Gòn năm 1970
- 28- Ông Victor Oliver, Mục sư Tin Lành kiêm giáo sư đại học Syracuse tại Sài Gòn năm 1970
- 29- Ông Quốc Vụ Khanh đặc trách Văn hóa Mai thọ Truyền tại Sài Gòn (*phủ Quốc Vụ Khanh*) năm 1971
- 30- Ông Jeremy Davidson, giáo sư đại học Luân Đôn tại Sài Gòn năm 1970 và 1975
- 31- Ba ông Trần văn Thạnh, Lê văn Minh (*Trung Hòa*) và Nguyễn trung Hạnh tại Sài Gòn năm 1975
- 32- Nữ tu Hà Tiên - Đàn Long Hoa từ 1980
- 33- Hai ông Nguyễn thanh Liêm và Phạm tài Đoan tại Sài Gòn năm 1984
- 34- Cô Ngô thị Bình tại Sài Gòn 1980 và Hà Nội 1994
- 35- Bạn Phan lương Minh tại Sài Gòn năm 1994
- 36- Ông Serguei Blagov, phóng viên Itarr Tass Nga, phó tiến sĩ đại học Mạc Tư Khoa tại Sài Gòn năm 1994
- 37- Ông Lê quang Sách, Phạm sĩ Phú và nhà báo Thịnh Quang tại Los Angeles Hoa Kỳ tháng 6-1999
- 38- Bác sĩ Bùi đắc Hùm tại California Hoa Kỳ tháng 6-1999
- 39- Ông Thừa sử Lê quang Tấn về các di ảnh nhân vật tại Tây Ninh trong sách Lịch Sử Đạo Cao Đài, Quyển II.
- 40- Ông Nguyễn thanh Vân về các di ảnh nhân vật trong sách Lịch sử Đạo Cao Đài, Quyển III

Đồng Tân

- 41- Nữ tín hữu thông dịch viên Mỹ, cô Hoàng Nguyên về di ảnh cụ Nguyễn phan Long
- 42- Bạn Nguyễn ngọc Châu, một bạn đạo Việt kiều tại Pháp, cháu đích tôn của cụ Nguyễn ngọc Tương (*Bến Tre*) (qua website *Hội Văn Hóa Cao Đài* <http://www.caodai.org.au>) năm 2003
- 43- Nữ giáo sư tiến sĩ Janet Hoskins trường đại học South California với các lần phỏng vấn về Cao Đài giáo những năm 2004-2005 (*những tấm hình bà chụp tại Phú Quốc năm 2006 được nêu ra trong lần tái bản 1 sách Lịch sử Vô Vi năm 2008 qua website Hội Văn Hóa Cao Đài*)

Và những nhân chứng có liên hệ đến đạo sự đương thời đã được đề cập trong bộ sử này...

CÙNG TÁC GIẢ

NHÀ XUẤT BẢN CAO HIÊN

ĐÃ XUẤT BẢN TẠI SÀI GÒN

- Nỗi Lòng Chính Phụ 1953*	<i>trường thiên song thất</i>	1956
- Lịch sử Cao Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ <i>Quyển I - Phần Vô Vi</i>	<i>tôn giáo</i>	1967
- Lịch sử Cao Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ <i>Quyển II - Phần Phổ Độ</i>	<i>tôn giáo</i>	1972
- Lý Thuyết Tổng Hợp	<i>triết học</i>	1971
- Tìm Hiểu Căn bản Triết học Cao Đài	<i>triết học</i>	1974
- Chung Quanh Vấn Đề Thi Nhân*	<i>tham luận</i>	1/1975
- Tổng Quan Cao Đài Giáo*	<i>tôn giáo</i>	1980
- Bản Thể Luận	<i>triết học</i>	3/1975
- Tìm Hiểu Đạo Cao Đài	<i>tôn giáo</i>	1994
hay <i>Trả lời Phỏng vấn của các Nhà nghiên cứu Anh - Mỹ - Nga</i>		

* Tác phẩm này đã có trong website của Hội Văn Hóa Cao Đài www.caodai.org.au từ năm 1999

ĐÃ XUẤT BẢN TẠI MELBOURNE

- Nhân Vật Cao Đài Giáo - Quyển I *tôn giáo* 2006

SẼ XUẤT BẢN

- Lịch Sử Cao Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ *tôn giáo* 2009
Quyển III - Phần Phổ Độ 2: Truyền giáo Trung Bắc Việt Nam
- Bách Khoa Toàn Thư Cao Đài Giáo 2009

TÁI BẢN LẦN I TẠI MELBOURNE

- Nỗi Lòng Cô Phụ Việt Nam* *trường thiên song thất 3600 câu* 1999
gồm Nỗi Lòng Chinh Phụ 1953 (đã xuất bản 1956 tại Sài Gòn)
Nỗi Lòng Khuê Phụ 1979
Nỗi Lòng Mệnh Phụ 1989
- Bản Thể Luận* *triết học* 1999
- Tìm Hiểu Đạo Cao Đài* *tôn giáo* 1999
hay Trả lời Phỏng vấn của các Nhà nghiên cứu Anh - Mỹ - Nga
- Nhân Vật Cao Đài Giáo - Quyển I* *tôn giáo* 2008
- Lịch sử Cao Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ *tôn giáo* 2008
*Quyển I - Phần Vô Vi: Tâm pháp**
- Lịch sử Cao Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ *tôn giáo* 2008
*Quyển II - Phần Phổ Độ I: Khai giáo Nam Việt Nam**

SẼ TÁI BẢN LẦN II

- Bản Thể Luận *triết học* 2009
- Tìm Hiểu Đạo Cao Đài *tôn giáo* 2009
hay Trả lời Phỏng vấn của các Nhà nghiên cứu quốc tế 1970-2005

SẼ XUẤT BẢN CÁC TÁC PHẨM ĐÃ HOÀN TẤT TẠI SÀI GÒN

Tôn giáo Năm hoàn tất

- Văn Hóa Sử Cao Đài 1976
- Lịch Trình Tư Tưởng Cao Đài Giáo - 60 Năm Đầu Khai Đạo 1982-83
- Văn học Cao Đài 1983
- Tổng quan Cao Đài Giáo* (*ấn bản nội bộ tại Việt Nam*) 1980
- Cao Đài Giáo dưới sự Thể Hiện Ban Đầu* 1921-1927 1994
- Le Caodaisme sous sa première forme* 1921-1927 1994
(*song ngữ Việt Pháp*)

Triết học Nhân bản

- Cao Đài - Triết học Nhân bản với các Học Giả Quốc Tế 1978
- Nhân Diện 1978
- Thể Tính Học 1981
- Đạo Lý Ứng Dụng 1983

Tản văn

- Vấn Đề Thi Ca Việt Nam Thời Chiến* (*các bài báo tại Sài Gòn*) 1964
- Tâm Sự Một Đồng Tử (*hồi ký*) 1945-1995
- Bức Tâm Thư (*truyện ký*) 1956
- Giấc Mơ Hoa (*truyện ký*) 1964
- Gương Nữ Kiệt (*truyện ký*) 1985
- Một Tâm Hồn Trong Sáng (*truyện ký*) 1995

Thi ca

- Hương Đầu Cành (*thi tập 1*) 1946-1948
- Tâm Tư (*thi tập 2*) 1949

Đồng Tân

- Hận Đòi	(thi tập 3)	1950
- Vô Định	(thi tập 4)	1951
- Bước Lãng Du	(thi tập 5)	1952
- Bâng Khuâng	(thi tập 6)	1953
- Nỗi Lòng Chinh Phụ 1953*	(song thất lục bát)	1953
- Đêm Giao Thừa Khói Lửa	(kịch-thơ)	1954
- U Hoài	(thi tập 7)	1954
- Bước Lộ Trình	(thi tập 8)	1955
- Hoa Mùa Xuân	(thi tập 9)	1956
- Tình Thơ	(thi tập 10)	1957
- Mây Vàng	(thi tập 11)	1958
- Gió Sớm	(thi tập 12)	1959
- Trầm Tư	(thi tập 13)	1960
- Nỗi Niềm	(thi tập 14)	1961
- Trang Sử Oai Hùng Của Dân Tộc Việt	(thơ mới)	1960-1961
- Chinh Yên I	(thi tập 15)	1962
- Chinh Yên II	(thi tập 16)	1963
- Chinh Yên III	(thi tập 17)	1964-1965
- Man Mác	(thi tập 18)	1966-1967
- Hương Mai	(thi tập 19)	1968-1969
- Mưa Chiều	(thi tập 20)	1970-1972
- Dưng Đức	(thi tập 21)	1973-1974
- U Uất	(thi tập 22)	1975-1977
- Nỗi Lòng Khuê Phụ 1979*	(song thất lục bát)	1979
- Tâm Nguyên	(thi tập 23)	1978-1980
- Mộng Vàng	(thi tập 24)	1981-1983
- Thốn Thức	(thi tập 25)	1984-1986
- Kiếp Phù Sinh	(thi tập 26)	1987-1989
- Nỗi Lòng Mệnh Phụ 1989*	(song thất lục bát)	1989

Lịch Sử Cao Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

- Niềm Ly Biệt	(thi tập 27)	1990-1991
- U Huyền	(thi tập 28)	1992
- Hoài Vọng	(thi tập 29)	1993 -1995
- Gót Viễn Du	(thi tập 30)	1996-1997
- Bước Phiêu Linh	(thi tập 31)	1998-1999
- Khúc Quan Hoài	(thi tập 32)	2000-2001
- Mộng Hồi Hương	(thi tập 33)	2002-2003
- Nỗi Niềm Quá Vãng	(thi tập 34)	2004-2005
- Giác Mơ Thần Cảm	(thi tập 35)	2006-2007
- Les Premières Fleurs - Hoa Đầu Cành*	(thi tập song ngữ Pháp Việt)	1999
- Les Roses Parfumées - Nụ Hồng Thơm*	(thi tập song ngữ Pháp Việt)	1999

Hội Văn Hóa Cao Đài
Đông Tân Trần Thái Chân